

Số: 11/2019/TT-BCT

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2019

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xúc tiến thương mại,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định tiêu chí, nội dung cụ thể và kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương trong khuôn khổ Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại (sau đây gọi tắt là Chương trình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình (sau đây gọi tắt là đơn vị chủ trì), đơn vị tham gia đề án thuộc Chương trình (sau đây gọi tắt là đơn vị tham gia), cơ quan quản lý thực hiện Chương trình, cơ quan

cấp kinh phí hỗ trợ, tổ chức và cá nhân liên quan đến Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại.

Điều 3. Tiêu chí xây dựng, thực hiện đề án thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại

1. Đề án phải phù hợp với các quy định tại Điều 8 Nghị định 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

2. Đề án là hoạt động xúc tiến thương mại cho ngành hàng, sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu của quốc gia, vùng kinh tế hoặc từ 02 tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương trở lên; hoặc sản phẩm đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận.

Điều 4. Thẩm định và phê duyệt đề án

1. Đề án được thẩm định theo các tiêu chí quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đề án đủ điều kiện xét phê duyệt là đề án có tổng số điểm thẩm định đạt từ 85 điểm trở lên.

3. Nguyên tắc phê duyệt đề án

a) Đề án được thẩm định đạt theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Trên cơ sở dự toán chi ngân sách cho Chương trình được Bộ Tài chính thông báo, Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định phê duyệt đề án và kinh phí được hỗ trợ theo nguyên tắc tổng kinh phí hỗ trợ để thực hiện các đề án không vượt quá tổng dự toán được giao.

Chương II

NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN NGOẠI THƯƠNG THUỘC CHƯƠNG TRÌNH CẤP QUỐC GIA VỀ XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

Mục 1

KẾT NỐI GIAO THƯƠNG, THAM GIA HỆ THỐNG PHÂN PHỐI Ở NƯỚC NGOÀI VÀ TẠI VIỆT NAM

Điều 5. Tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm quốc tế ở nước ngoài

1. Nội dung thực hiện

a) Tuyên truyền, quảng bá:

- Tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện truyền thông, các hình thức quảng bá của hội chợ, triển lãm;

- Tổ chức giới thiệu thông tin về hội chợ, triển lãm, đoàn doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm;

- Tổ chức văn nghệ thu hút khách tham quan đối với hội chợ, triển lãm do Việt Nam tổ chức hoặc đồng tổ chức ở nước ngoài có quy mô từ 100 gian hàng trở lên (nếu có).

b) Tổ chức và dàn dựng khu triển lãm quốc gia (nếu có);

c) Tổ chức, dàn dựng gian hàng:

- Thiết kế tổng thể và chi tiết;

- Mặt bằng, dịch vụ điện, nước, an ninh, bảo vệ, vệ sinh, môi trường;

- Dàn dựng khu vực thông tin xúc tiến thương mại chung, trình diễn sản phẩm (nếu có);

- Dàn dựng gian hàng;

- Trang trí chung.

d) Lễ khai mạc (đối với hội chợ, triển lãm do Việt Nam tổ chức hoặc đồng tổ chức có quy mô từ 100 gian hàng của doanh nghiệp Việt Nam trở lên hoặc tham gia hội chợ, triển lãm ở nước ngoài có quy mô từ 30 gian hàng trở lên): Mời khách, lễ tân, trang trí, văn nghệ, sân khấu, âm thanh, ánh sáng;

đ) Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức;

e) Tổ chức hội thảo: Hội trường, thiết bị, trang trí, âm thanh, ánh sáng, phiên dịch, an ninh, lễ tân, giải khát giữa giờ, tài liệu, diễn giả (nếu có);

g) Tư vấn lựa chọn sản phẩm tham gia (nếu có).

2. Quy mô: Hội chợ, triển lãm đa ngành có quy mô tối thiểu 12 gian hàng và tối thiểu 12 doanh nghiệp tham gia. Hội chợ, triển lãm chuyên ngành có quy mô tối thiểu 06 gian hàng và tối thiểu 06 doanh nghiệp tham gia.

3. Nội dung hỗ trợ: Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d và điểm đ khoản 1 Điều này.

Điều 6. Tổ chức hội chợ, triển lãm quốc tế tại Việt Nam đối với sản phẩm xuất khẩu

1. Nội dung thực hiện

a) Tuyên truyền, quảng bá:

- Tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện truyền thông;

- Tổ chức giới thiệu, thông tin về hội chợ, triển lãm.

b) Tổ chức, dàn dựng gian hàng:

- Thiết kế tổng thể và chi tiết;

- Dàn dựng gian hàng;

- Trang trí chung.

c) Mặt bằng tổ chức hội chợ, triển lãm;

d) Dịch vụ: điện, nước, vệ sinh, môi trường, an ninh, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy, y tế, internet;

đ) Lễ khai mạc và các sự kiện liên quan trong khuôn khổ hội chợ, triển lãm;

e) Các hoạt động tổ chức, quản lý hội chợ, triển lãm.

2. Quy mô

a) Hội chợ, triển lãm đa ngành có quy mô tối thiểu 300 gian hàng quy theo gian hàng tiêu chuẩn (3m x 3m) và 150 đơn vị tham gia của Việt Nam khi tổ chức ở thành phố trực thuộc Trung ương, 200 gian hàng tiêu chuẩn và 100 đơn vị tham gia của Việt Nam khi tổ chức ở các địa phương khác;

b) Hội chợ, triển lãm chuyên ngành có quy mô tối thiểu 100 gian hàng của doanh nghiệp Việt Nam quy theo gian hàng tiêu chuẩn (3m x 3m) khi tổ chức ở thành phố trực thuộc Trung ương, 80 gian hàng của doanh nghiệp Việt Nam quy theo gian hàng tiêu chuẩn (3m x 3m) khi tổ chức ở các địa phương khác.

3. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 7. Tổ chức hội chợ, triển lãm quốc tế tại Việt Nam cho sản phẩm của doanh nghiệp nước ngoài có nhu cầu nhập khẩu từ Việt Nam

1. Nội dung thực hiện

a) Tuyên truyền, quảng bá:

- Tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện truyền thông;
- Tổ chức giới thiệu, thông tin về hội chợ, triển lãm.

b) Tổ chức, dàn dựng gian hàng:

- Thiết kế tổng thể và chi tiết;
- Dàn dựng gian hàng;
- Trang trí chung.

c) Mặt bằng tổ chức hội chợ, triển lãm;

d) Dịch vụ: điện, nước, vệ sinh, môi trường, an ninh, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy, y tế, internet;

đ) Lễ khai mạc và các sự kiện liên quan trong khuôn khổ hội chợ, triển lãm;

e) Các hoạt động tổ chức, quản lý hội chợ, triển lãm.

2. Quy mô: Hội chợ, triển lãm có quy mô tối thiểu 60 gian hàng quy theo gian hàng tiêu chuẩn (3m x 3m), trong đó tối thiểu 15 gian hàng của doanh nghiệp nước ngoài có nhu cầu nhập khẩu.

3. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 8. Tổ chức hội chợ, triển lãm tại Việt Nam đối với các sản phẩm, nguyên liệu, thiết bị nhập khẩu phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu, sản phẩm công nghệ, nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh mà trong nước sản xuất

1. Nội dung thực hiện

a) Tuyên truyền, quảng bá:

- Tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện truyền thông;
- Tổ chức giới thiệu, thông tin về hội chợ, triển lãm.

b) Tổ chức, dàn dựng gian hàng:

- Thiết kế tổng thể và chi tiết;
- Dàn dựng gian hàng;
- Trang trí chung.

c) Mặt bằng tổ chức hội chợ, triển lãm;

d) Dịch vụ: điện, nước, vệ sinh, môi trường, an ninh, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy, y tế, internet;

đ) Lễ khai mạc và các sự kiện liên quan trong khuôn khổ hội chợ, triển lãm;

e) Các hoạt động tổ chức, quản lý hội chợ, triển lãm.

2. Quy mô: Hội chợ, triển lãm có quy mô tối thiểu 50 doanh nghiệp và 100 gian hàng quy theo gian hàng tiêu chuẩn (3m x 3m).

3. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

Điều 9. Tổ chức trưng bày, giới thiệu và xuất khẩu hàng hóa qua gian hàng chung trên sàn giao dịch thương mại điện tử

1. Nội dung thực hiện

a) Mở tài khoản trên sàn giao dịch thương mại điện tử;

b) Duy trì tư cách thành viên;

c) Xây dựng quy trình, đánh mã, quản lý kho các sản phẩm dự định bán qua gian hàng chung trên sàn giao dịch thương mại điện tử;

d) Tư vấn hỗ trợ pháp lý đăng ký nhãn hiệu sản phẩm;

đ) Đăng ký nhãn sản phẩm tại thị trường xuất khẩu theo yêu cầu của sàn giao dịch thương mại điện tử và thị trường xuất khẩu;

e) Xây dựng lại bao bì, nhãn mác theo quy chuẩn của sàn giao dịch thương mại điện tử và thị trường xuất khẩu;

g) Chụp ảnh sản phẩm theo tiêu chuẩn của sàn thương mại điện tử;

h) Quản lý gian hàng chung trực tuyến: cập nhật hình ảnh, thông tin, giá cả mỗi sản phẩm theo danh mục của sàn thương mại điện tử, xác nhận đơn hàng, thông báo kho xuất hàng, tiếp nhận thông tin về các vấn đề phát sinh sau bán hàng;

i) Quảng bá gian hàng chung thông qua mạng xã hội, công cụ tìm kiếm trên internet;

k) Vận chuyển đơn hàng;

l) Các hoạt động khác:

- Nghiên cứu xu hướng tiêu dùng, đối thủ cạnh tranh trên sàn giao dịch thương mại điện tử để xây dựng chiến lược tiếp thị, khuyến mại;

- Xây dựng nội dung số (video clip) quảng bá gian hàng chung hoặc sản phẩm;

- Nâng hạng gian hàng chung trên sàn giao dịch thương mại điện tử để tăng cơ hội bán hàng.

2. Quy mô: Tối thiểu 15 đơn vị tham gia, mỗi đơn vị cung cấp tối thiểu 03 sản phẩm được sản xuất tại Việt Nam.

Sàn giao dịch thương mại điện tử được chọn để tổ chức gian hàng phải thuộc 20 sàn giao dịch thương mại điện tử hàng đầu thế giới theo xếp hạng của tổ chức Alexa hoặc Similarweb.

3. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện không quá 12 tháng đối với các nội dung quy định tại điểm a, điểm b, điểm h và điểm i khoản 1 Điều này.

Điều 10. Tổ chức đoàn giao dịch thương mại ở nước ngoài

1. Nội dung thực hiện

a) Tuyên truyền, quảng bá và mời các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài đến giao thương:

- Tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện truyền thông;

- Tổ chức giới thiệu, thông tin về đoàn doanh nghiệp.

b) Tổ chức hội thảo, giao thương: Hội trường, thiết bị, trang trí, khu trưng bày sản phẩm mẫu, phiên dịch, lễ tân, giải khát giữa giờ, tài liệu, thẻ tên, văn phòng phẩm;

c) Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức;

d) Các hoạt động tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì;

đ) Đơn vị tham gia: Vé máy bay/ vé tàu/ vé xe, chi phí vận chuyển hàng mẫu, ăn, ở, đi lại.

2. Quy mô: Tối thiểu 15 đơn vị tham gia đối với đoàn đa ngành, 07 đơn vị tham gia đối với đoàn chuyên ngành.

3. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều này và chi phí đi lại bao gồm: Tiền

vé máy bay, vé tàu, vé xe từ Việt Nam đến nước công tác và ngược lại (kể cả vé máy bay, vé tàu xe trong nội địa nước đến công tác) cho 01 người/đơn vị tham gia.

Điều 11. Tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam giao dịch để mua hàng

1. Nội dung thực hiện

a) Tuyên truyền, quảng bá:

- Mời các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài và Việt Nam;
- Tổ chức giới thiệu, thông tin về đoàn doanh nghiệp nước ngoài và các doanh nghiệp Việt Nam.

b) Tổ chức hội thảo và giao thương: Hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu, giải khát giữa giờ;

c) Tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì: Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm;

d) Doanh nghiệp nước ngoài tham gia: Ăn, ở, đi lại tại Việt Nam;

đ) Vé máy bay khứ hồi, ăn, ở, đi lại tại Việt Nam cho người của đơn vị đối tác tổ chức đưa đoàn vào Việt Nam;

e) Doanh nghiệp trong nước: Hàng hóa, thiết bị trưng bày, vận chuyển, ăn, ở, đi lại, tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài tham quan nhà máy, cơ sở sản xuất, vùng nguyên liệu.

2. Quy mô

a) Tối thiểu 07 doanh nghiệp nước ngoài, 21 doanh nghiệp Việt Nam đối với đoàn giao thương chuyên ngành;

b) Tối thiểu 20 doanh nghiệp nước ngoài, 60 doanh nghiệp Việt Nam đối với đoàn giao thương đa ngành.

3. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều này;

b) Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại điểm d khoản 1 Điều này và không quá 04 ngày 03 đêm cho 01 người/doanh nghiệp nước ngoài;

c) Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này và không quá 04 ngày 03 đêm cho 01 người/đoàn có quy mô tối thiểu 07 doanh nghiệp nước ngoài.

Điều 12. Tổ chức Hội nghị quốc tế tại Việt Nam về ngành hàng xuất khẩu

1. Nội dung thực hiện

a) Tuyên truyền, quảng bá:

- Mời các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài và Việt Nam;
- Tổ chức giới thiệu, thông tin về Hội nghị quốc tế ngành hàng.

b) Hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu, giải khát giữa giờ;

c) Báo cáo viên, thuyết trình viên: Thù lao, ăn, ở, đi lại tại Việt Nam;

d) Tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì: Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm.

2. Quy mô: Tối thiểu 60 doanh nghiệp Việt Nam, 20 doanh nghiệp và tổ chức nước ngoài sản xuất, kinh doanh, hoạt động trong lĩnh vực ngành hàng liên quan.

3. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại điểm a, điểm b và điểm d khoản 1 Điều này.

Điều 13. Kết nối giao thương tại Việt Nam giữa nhà cung cấp với các doanh nghiệp xuất khẩu và tổ chức xúc tiến thương mại

1. Nội dung thực hiện

a) Tuyên truyền, quảng bá, mời các tổ chức, doanh nghiệp đến giao dịch;

b) Tổ chức giao thương:

- Hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu, giải khát giữa giờ;

- Tổ chức gian hàng, khu vực trưng bày giới thiệu sản phẩm.

c) Tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì: Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm.

2. Quy mô: Tối thiểu 21 nhà cung cấp và 07 doanh nghiệp xuất khẩu.

3. Nội dung được hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 2

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN, VẬN HÀNH HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI, LOGISTICS PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG NGOẠI THƯƠNG

Điều 14. Tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm ở nước ngoài về logistics

Nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

Điều 15. Mời đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam trao đổi về cơ hội đầu tư, hợp tác về phát triển dịch vụ logistics, trung tâm logistic phục vụ hoạt động ngoại thương

Nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điều 11 của Thông tư này.

Điều 16. Tổ chức diễn đàn logistics Việt Nam, tổ chức hội chợ, triển lãm quốc tế về logistics tại Việt Nam

1. Tổ chức diễn đàn quốc tế về logistics tại Việt Nam

a) Nội dung hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 12 của Thông tư này;

b) Quy mô: Tối thiểu 50 doanh nghiệp Việt Nam, 10 doanh nghiệp và tổ chức nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực logistics.

2. Tổ chức hội chợ, triển lãm quốc tế về logistics tại Việt Nam

Nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này.

Mục 3

HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Điều 17. Xây dựng và phát hành thông tin, cơ sở dữ liệu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường

1. Nội dung thực hiện

a) Thu thập, mua thông tin, cơ sở dữ liệu về ngành hàng, thị trường, sản phẩm trong nước và nước ngoài;

b) Tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin, dữ liệu;

c) Biên tập, xây dựng báo cáo, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm thông tin khác;

d) Phát hành dưới dạng bản in (in ấn, phát hành), ấn phẩm điện tử hoặc phổ biến tại các hội nghị, hội thảo, đào tạo, tập huấn.

2. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện nội dung quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều này.

Điều 18. Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, áp dụng và tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, điều kiện của các tổ chức nhập khẩu, cam kết quốc tế về sản phẩm xuất khẩu, nhập khẩu

1. Nội dung thực hiện

a) Xây dựng tài liệu hướng dẫn các quy định, tiêu chuẩn, điều kiện của các tổ chức nhập khẩu, cam kết quốc tế về sản phẩm xuất khẩu, nhập khẩu;

b) Tổ chức phổ biến, tập huấn:

- Hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu, giải khát giữa giờ;

- Phổ biến trên các phương tiện thông tin truyền thông;

- Giảng viên, báo cáo viên: Thù lao, ăn, ở, đi lại.

c) Tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì: Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm.

2. Quy mô: Tối thiểu 70 đơn vị tham gia.

3. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Mỗi đơn vị tham gia được hỗ trợ không quá 02 học viên.

Điều 19. Tổ chức và tham gia chương trình khảo sát, tìm hiểu thông tin về sản phẩm, ngành hàng, thị trường

1. Nội dung thực hiện

a) Thu thập thông tin, nghiên cứu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường;

b) Tổ chức nghiên cứu thực địa tại Việt Nam và/hoặc nước ngoài;

c) Xây dựng báo cáo nghiên cứu thông tin về sản phẩm, ngành hàng, thị trường;

d) Phát hành báo cáo nghiên cứu dưới dạng bản in (in ấn, phát hành) hoặc ấn phẩm điện tử hoặc phổ biến tại các hội nghị, hội thảo, đào tạo, tập huấn;

đ) Tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì: Bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm.

2. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện nội dung quy định tại điểm c và điểm đ khoản 1 Điều này.

Điều 20. Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn cung cấp thông tin về phát triển sản phẩm, ngành hàng, thị trường

1. Nội dung thực hiện

a) Tuyên truyền, quảng bá, mời các tổ chức, doanh nghiệp tham gia;

b) Hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu, giải khát giữa giờ;

c) Báo cáo viên: Thù lao, ăn, ở, đi lại;

d) Tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì: Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm.

2. Quy mô

a) Tối thiểu 100 đơn vị tham gia đối với chương trình cung cấp thông tin về phát triển sản phẩm, thị trường xuất khẩu;

b) Tối thiểu 50 doanh nghiệp nước ngoài đối với chương trình cung cấp thông tin quảng bá sản phẩm, ngành hàng của Việt Nam.

3. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại điểm a, điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.

Điều 21. Đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức nâng cao năng lực thiết kế, phát triển sản phẩm xuất khẩu cho các doanh nghiệp

Nội dung thực hiện theo quy định tại Điều 26, Điều 27 của Thông tư này.

Điều 22. Tổ chức hoạt động tư vấn, thuê chuyên gia tư vấn, hỗ trợ thực hiện thiết kế, phát triển sản phẩm

1. Nội dung thực hiện

a) Hoạt động tư vấn, thiết kế, phát triển sản phẩm cho sản phẩm/nhóm sản phẩm:

- Chuyên gia: Thù lao, ăn, ở, đi lại hoặc hợp đồng trọn gói;

- Tổ chức tư vấn: Hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu, giải khát giữa giờ.

b) Triển khai kết quả tư vấn, thiết kế, phát triển sản phẩm đến doanh nghiệp (nếu có);

c) Tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì: Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm.

2. Quy mô: Tối thiểu 50 doanh nghiệp tham gia.

3. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này.

Điều 23. Tổ chức hoạt động kết nối giữa doanh nghiệp với các nhà thiết kế

1. Nội dung thực hiện

a) Tuyên truyền, quảng bá, mời các tổ chức, doanh nghiệp tham gia;

b) Hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu, giải khát giữa giờ;

c) Tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì: Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm;

d) Tổ chức khu trưng bày sản phẩm thiết kế (nếu có).

2. Quy mô: Tối thiểu 50 doanh nghiệp và 10 đơn vị cung cấp dịch vụ thiết kế.

3. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này.

Điều 24. Tổ chức tuyên truyền, quảng bá ngành hàng, chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận của Việt Nam ở nước ngoài

1. Nội dung thực hiện

a) Thuê tư vấn xây dựng nội dung và kế hoạch, chiến lược tuyên truyền, quảng bá;

b) Thực hiện sản phẩm tuyên truyền, quảng bá:

- Xây dựng sản phẩm tuyên truyền, quảng bá: Thiết kế, thu thập tư liệu, viết bài, sản xuất phim, ảnh, sản phẩm truyền thông;

- Tuyên truyền, quảng bá, phát hành tại các sự kiện xúc tiến thương mại và trên các phương tiện thông tin truyền thông.

2. Chương trình xây dựng và thực hiện theo kế hoạch liên tục tối thiểu 03 năm, tối đa 05 năm đối với 01 thị trường mục tiêu.

3. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 25. Mời tổ chức, chuyên gia truyền thông nước ngoài vào Việt Nam sản xuất sản phẩm truyền thông quảng bá cho ngành hàng xuất khẩu Việt Nam ở nước ngoài

1. Nội dung thực hiện

a) Xây dựng kế hoạch và nội dung truyền thông;

b) Hợp đồng trọn gói với tổ chức, chuyên gia truyền thông nước ngoài: Viết bài, làm phóng sự trên báo, tạp chí chuyên ngành, truyền thanh, truyền hình, internet;

c) Tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì: Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm.

2. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 4

ĐÀO TẠO, NÂNG CAO NĂNG LỰC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI, PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

Điều 26. Tổ chức đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, phát triển thị trường

1. Nội dung thực hiện

a) Biên soạn nội dung đào tạo, tập huấn;

b) Biên dịch, phiên dịch;

c) In ấn tài liệu, văn phòng phẩm;

d) Giảng viên, báo cáo viên: Thù lao, ăn, ở, đi lại;

đ) Hội trường, thiết bị, trang trí, giải khát giữa giờ;

e) Tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì: Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, quảng bá, mời tham gia, bưu chính, điện thoại.

2. Quy mô: Tối thiểu 50 đơn vị tham gia.

3. Nội dung hỗ trợ:

a) Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Mỗi đơn vị tham gia được hỗ trợ không quá 02 học viên.

Điều 27. Tổ chức tham gia khóa đào tạo trọn gói của các tổ chức đào tạo (trực tiếp và trực tuyến)

1. Nội dung thực hiện

a) Học phí trọn gói của khóa học;

b) Tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì: Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, quảng bá, mời tham gia, bưu chính, điện thoại.

2. Quy mô: Tối thiểu 10 đơn vị tham gia khóa học trực tiếp, 20 đơn vị tham gia khóa học trực tuyến.

3. Nội dung được hỗ trợ:

a) Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí thực hiện nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Mỗi đơn vị tham gia được hỗ trợ không quá 02 học viên.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Hợp đồng giao nhiệm vụ thực hiện đề án

1. Căn cứ quyết định phê duyệt Chương trình của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Cục Xúc tiến thương mại ký hợp đồng giao nhiệm vụ thực hiện đề án với các đơn vị chủ trì và thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo hợp đồng đã ký.

2. Đơn vị chủ trì xây dựng kế hoạch triển khai và kế hoạch tài chính, dự toán chi tiết kinh phí thực hiện đề án được phê duyệt kèm theo hồ sơ liên quan và gửi về Cục Xúc tiến thương mại để ký hợp đồng giao nhiệm vụ thực hiện đề án. Đối với các đề án phải áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn hiện hành có liên quan, đơn vị chủ trì phải gửi dự toán và hồ sơ liên quan để ký hợp đồng thực hiện tối thiểu là 45 ngày trước ngày diễn ra sự kiện.

3. Nội dung hợp đồng thực hiện theo Điều 12 Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

Điều 29. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì

1. Xây dựng kế hoạch, lập đề án, dự toán đề xuất Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại hàng năm.

2. Lấy ý kiến của các cơ quan xúc tiến thương mại trong vùng, khu vực đối với đề án xúc tiến thương mại cho sản phẩm của vùng, khu vực; lấy ý kiến của hiệp hội ngành hàng liên quan đối với đề án xúc tiến thương mại liên ngành.

3. Báo cáo kết quả thực hiện đề án theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

4. Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến đề án Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đầy đủ nội dung hợp đồng đã ký với Cục Xúc tiến thương mại.

6. Thanh toán, quyết toán kinh phí phù hợp với tiến độ thực hiện đề án, đảm bảo quy định của pháp luật về sử dụng ngân sách nhà nước, các quy định tại Thông tư này và các quy định tại các văn bản liên quan.

Điều 30. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Tham mưu UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành cơ chế phối hợp, triển khai các đề án thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại trên địa bàn.

2. Phối hợp với Cục Xúc tiến thương mại, các cơ quan có liên quan giám sát thực hiện các đề án thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại thực hiện trên địa bàn địa phương.

Điều 31. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ Công Thương

1. Cục Xúc tiến thương mại là đầu mối chủ trì quản lý, thực hiện Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại, chịu trách nhiệm:

a) Hướng dẫn các đơn vị chủ trì xây dựng kế hoạch, lập đề án, dự toán đề xuất Chương trình hàng năm;

b) Tiếp nhận đề án, đánh giá sơ bộ, tổ chức thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt các đề án trong Chương trình;

c) Tổ chức, hướng dẫn triển khai thực hiện kế hoạch Chương trình được phê duyệt và tạm ứng, thanh toán, quyết toán kinh phí Chương trình;

d) Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các đề án có các hạng mục phải áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu;

đ) Đôn đốc, giám sát việc triển khai hợp đồng thực hiện đề án; hướng dẫn đơn vị chủ trì triển khai đề án đúng mục tiêu, nội dung đã phê duyệt và tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan;

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các đề án và việc quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình;

g) Tổng hợp, đánh giá, báo cáo Bộ Công Thương tình hình thực hiện Chương trình.

2. Các Vụ Thị trường châu Âu - châu Mỹ, châu Á - châu Phi, Vụ Thị trường trong nước, Cục Xuất nhập khẩu và đại diện thương mại Việt Nam tại nước ngoài chịu trách nhiệm phối hợp với Cục Xúc tiến thương mại và các đơn vị chủ trì đề án

triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại được phê duyệt.

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 9 năm 2019.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Bộ Công Thương để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Ban của Đảng;
- Các Văn phòng: TW, TBT, CTN, CP, QH;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Các Công TTĐT Chính phủ, Bộ Công Thương;
- Bộ Công Thương: BT, các TT, các đơn vị thuộc Bộ;
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, XTTM.

BỘ TRƯỞNG

(đã ký)

Trần Tuấn Anh

Phụ lục
Tiêu chí thẩm định đề án Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại
(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019)

STT	Nội dung tiêu chí	Thang đánh giá (điểm tối đa)
1	<p>Sự cần thiết của đề án</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu đặc điểm, xu thế thị trường thế giới; Phân tích tính phù hợp của đề án này với định hướng phát triển kinh tế xã hội, chiến lược xuất khẩu quốc gia/ chiến lược xuất khẩu chung về ngành hàng và/hoặc thị trường (2 điểm) - Chứng minh sự phù hợp của đề án với thực trạng về mặt hàng, thị trường, doanh nghiệp, môi trường cạnh tranh (2 điểm) - Chứng minh đề án xuất phát từ nhu cầu của doanh nghiệp (đề nghị gửi kèm tài liệu) (3 điểm) - Nêu rõ lý do và sự cần thiết phải triển khai thực hiện đề án (3 điểm) - Làm rõ, cụ thể hóa và chi tiết hóa đề án sẽ góp phần phát triển ngoại thương như thế nào; vai trò đóng góp của đề án trong kế hoạch tổng thể về phát triển ngành hàng và vùng kinh tế; phát huy hoặc khai thác lợi thế của ngành hàng hay của thị trường mục tiêu (4 điểm) - Làm rõ, cụ thể hóa và chi tiết hóa đề án sẽ góp phần nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp như thế nào, khắc phục được hạn chế gì của doanh nghiệp trong ngành (4 điểm) - Làm rõ sự tham gia ủng hộ của các địa phương có mặt hàng mục tiêu của đề án (2 điểm) 	20
2	<p>Mục tiêu đề án</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề án xác định mục tiêu cụ thể về nhóm đối tượng doanh nghiệp được hỗ trợ (doanh nghiệp đã xuất khẩu, doanh nghiệp xuất khẩu mới, doanh nghiệp có tiềm năng nhưng chưa xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa,...) phù hợp với nội dung đề án (5 điểm) - Đề án xác định thị trường mục tiêu cụ thể, mang tính trọng tâm, trọng điểm (4 điểm) - Mục tiêu cụ thể về số lượng doanh nghiệp tham gia chương trình, số lượng doanh nghiệp xuất khẩu mới (3 điểm) - Mục tiêu về phát triển thị phần xuất khẩu, phát triển thị trường xuất khẩu mới (3 điểm) 	15

STT	Nội dung tiêu chí	Thang đánh giá (điểm tối đa)
3	<p>Nội dung Chương trình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề án đề xuất cụ thể, rõ ràng, đầy đủ, chi tiết về thời gian, địa điểm, đối tượng mục tiêu, mặt hàng mục tiêu, thị trường mục tiêu, quy mô dự kiến (5 điểm) - Đề án đề xuất cụ thể, hợp lý nội dung hoạt động chính (5 điểm) 	10
4	<p>Phương án triển khai</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề án nêu rõ đối tác, nguyên tắc phối hợp để đạt mục tiêu đề án (3 điểm) - Kinh nghiệm, khả năng hợp tác với các chuyên gia, đối tác uy tín trong và ngoài nước để thực hiện đề án (3 điểm) - Các dịch vụ gia tăng đơn vị chủ trì có thể hỗ trợ doanh nghiệp (4 điểm) 	10
5	<p>Kế hoạch triển khai và tiến độ thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề án xây dựng đầy đủ các hạng mục công việc chính để triển khai đề án (5 điểm) - Tính hợp lý, khoa học trong việc bố trí thời gian và nguồn lực triển khai đề án (5 điểm) 	10
6	<p>Phương án tài chính, dự toán kinh phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự toán kinh phí và đề nghị hỗ trợ kinh phí từ ngân sách Chương trình phù hợp với quy định (5 điểm) - Phương án huy động kinh phí rõ ràng, khả thi (2 điểm) - Phương án cụ thể về tỉ lệ hỗ trợ kinh phí từ ngân sách chương trình, tỉ lệ huy động từ đơn vị tham gia và từ nguồn khác (3 điểm) 	10
7	<p>Rủi ro dự kiến và biện pháp khắc phục, kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro dự kiến Đề án nhận định rủi ro liên quan và đề xuất giải pháp khắc phục hợp lý (5 điểm) - Kết quả dự kiến <ul style="list-style-type: none"> + Phân tích kết quả dự kiến về định tính phù hợp với mục tiêu đề án (2,5 điểm) + Phân tích kết quả dự kiến về mặt định lượng hợp lý và dự kiến mức độ hoàn thành mục tiêu (2,5 điểm) 	10

8	<p>Năng lực của đơn vị chủ trì:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh nghiệm triển khai hoạt động XTMM (5 điểm) - Kết quả triển khai các đề án đã được phê duyệt: kết quả định tính, định lượng, mức độ hoàn thành mục tiêu về định tính, định lượng (5 điểm) - Năng lực huy động tài chính, nhân lực (5 điểm) 	15
---	--	----

Đề án đạt là đề án có tổng các tiêu chí đạt 85 điểm trở lên, tiêu chí số 1 đạt từ 10 điểm trở lên, tiêu chí số 2 và số 8 đạt từ 7,5 điểm trở lên, tiêu chí số 3, 4, 5, 6, 7 đạt từ 05 điểm trở lên.